

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Bóng đá 1 - 19**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP.2	BP.3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2122120487	Trần Ngọc Phú An	18/10/2004	CCQ2212E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
2	2122070004	Nguyễn Thiên Bảo	30/06/2004	CCQ2207A	6.0	7.0	6.8	6.7	7.0	6.9	
3	2122120397	Đặng Thanh Bình	21/06/2003	CCQ2212L	8.0	9.0	5.5	6.5	7.0	6.8	
4	2122120156	Diệp Tấn Bôn	16/03/2004	CCQ2212E	8.0	9.0	5.5	6.5	6.0	6.2	
5	2122200208	Phan Nguyễn Hữu Cầm	21/05/2004	CCQ2220E	8.0	9.0	7.3	7.7	5.0	6.1	
6	2122270067	Nguyễn Thị Diễm	01/07/2004	CCQ2227C	6.0	8.0	6.8	6.9	10.0	8.7	
7	2121120484	Hoàng Anh Dũng	28/02/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	5.5	6.5	7.0	6.8	
8	2122120326	Đặng Quốc Duy	19/04/2004	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
9	2122260085	Lê Thành Đạt	12/06/2004	CCQ2227D	8.0	9.0	7.3	7.7	4.0	5.5	
10	2122270110	Lê Thành Đoàn	09/02/2003	CCQ2227D	8.0	9.0	7.3	7.7	7.0	7.3	
11	2122140025	Lê Thanh Đông	22/11/2004	CCQ2214A	7.0	8.0	6.6	6.9	5.0	5.8	
12	2122270091	Phan Ngọc Quỳnh Giang	12/08/2004	CCQ2227C	6.0	7.0	6.8	6.7	4.0	5.1	
13	2122030197	Nguyễn Anh Hào	05/06/2004	CCQ2203F	7.0	8.5	8.6	8.3	5.0	6.3	
14	2122050033	Phạm Đức Hào	25/08/2004	CCQ2203F	9.5	9.0	8.6	8.8	8.0	8.3	
15	2122120135	Lê Minh Hậu	02/04/2004	CCQ2212D	4.0	6.0	6.6	6.1	5.0	5.4	
16	2121120487	Lê Thanh Hiệp	25/12/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	6.6	7.2	5.0	5.9	
17	2121100051	Phạm Thị Bích Hòa	20/02/2003	CCQ2110B	7.0	8.0	8.6	8.2	8.0	8.1	
18	2122270108	Nguyễn Tấn Huân	11/11/2002	CCQ2227D	4.0	5.0	7.3	6.4	7.0	6.7	
19	2122030119	Châu Gia Huy	16/08/2004	CCQ2203D	8.0	9.0	8.6	8.6	8.0	8.2	
20	2121170218	Hà Quốc Huy	09/05/2003	CCQ2117G	5.0	5.0	6.8	6.2	0.0	2.5	Vắng thi
21	2122270109	Nguyễn Ngọc Quang Huy	20/09/2004	CCQ2227D	4.0	4.0	7.3	6.2	9.0	7.9	
22	2121070036	Nguyễn Quang Huy	12/11/2000	CCQ2107B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
23	2122270094	Nguyễn Quang Huy	03/04/2004	CCQ2227C	6.0	7.0	6.8	6.7	10.0	8.7	
24	2121100012	Đoàn Thị Diễm Hương	24/09/2003	CCQ2110A	8.0	9.0	6.6	7.2	5.0	5.9	
25	2122120459	Lê Thị Ngọc Hương	13/07/2004	CCQ2212N	4.0	6.0	7.3	6.5	6.0	6.2	
26	2122140031	Lê Hùng Kháng	07/02/2004	CCQ2214A	6.0	7.0	6.8	6.7	8.0	7.5	
27	2122120387	Lê Hoàng Đăng Khoa	05/11/2004	CCQ2212L	8.0	9.0	7.6	7.9	10.0	9.2	
28	2122270118	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/04/2004	CCQ2227D	8.0	9.0	7.3	7.7	6.0	6.7	
29	2122120381	Trần Minh Lâm	11/10/2004	CCQ2212L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
30	2122030260	Nguyễn Thái Thành Lâm	31/07/2001	CCQ2203D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
31	2122120174	Nguyễn Hoàng Liêm	22/01/2003	CCQ2212F	8.5	8.0	5.5	6.4	10.0	8.6	
32	2122030193	Nguyễn Phúc Lộc	16/10/2004	CCQ2203F	8.0	9.0	8.6	8.6	8.0	8.2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
33	2122270119	Nguyễn Quốc	Lương	28/04/2004	CCQ2227D	7.0	8.0	5.5	6.2	5.0	5.5	
34	2120200227	Trần Văn	Minh	09/06/2002	CCQ2020G	8.0	9.0	5.5	6.5	6.0	6.2	
35	2120190097	Bùi Thị Khánh	Ngân	13/05/2002	CCQ2019C	7.0	8.0	8.6	8.2	4.0	5.7	
36	2122270095	Trần Văn	Nghĩa	28/01/2004	CCQ2227C	6.0	7.0	6.8	6.7	6.0	6.3	
37	2122270081	Trương Thị Thu	Ngọc	07/04/2004	CCQ2227C	8.0	9.0	7.3	7.7	5.0	6.1	
38	2122120119	Phạm Minh	Nguyễn	10/07/2004	CCQ2212D	8.0	9.0	6.6	7.2	5.0	5.9	
39	2122120112	Phan Ngọc Thành	Nhân	25/03/2004	CCQ2212D	8.0	9.0	6.6	7.2	6.0	6.5	
40	2121100028	Nguyễn Đỗ Thảo	Nhi	20/09/2003	CCQ2110A	8.0	9.0	6.6	7.2	8.0	7.7	
41	2121100027	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/04/2003	CCQ2110A	8.0	9.0	7.6	7.9	10.0	9.2	
42	2122120349	Trần Hoàng	Phi	07/09/2003	CCQ2212K	6.5	7.0	6.6	6.7	6.0	6.3	
43	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	8.0	9.0	8.6	8.6	7.0	7.6	
44	2122200056	Văn Hữu Hoài	Phương	27/09/2004	CCQ2220B	8.0	9.0	7.3	7.7	4.0	5.5	
45	2122270079	Ngô Thanh	Quang	14/04/2004	CCQ2227C	8.0	9.0	7.3	7.7	7.0	7.3	
46	2121120399	Mạnh Vũ	Quốc	10/03/2003	CCQ2112L	8.0	9.0	6.6	7.2	8.0	7.7	
47	2122270080	Nguyễn Thanh	Thái	13/07/2002	CCQ2227C	7.0	8.0	5.5	6.2	7.0	6.7	
48	2122270107	Trần Thị Thu	Thảo	29/08/2004	CCQ2227D	6.0	7.0	6.8	6.7	5.0	5.7	
49	2122030067	Kiều Đại	Thiên	24/10/2004	CCQ2203B	6.0	7.0	6.8	6.7	7.0	6.9	
50	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	8.0	9.0	8.6	8.6	5.0	6.4	
51	2122140024	Nguyễn Hữu	Thịnh	17/07/2004	CCQ2214A	7.0	8.0	6.6	6.9	7.0	7.0	
52	2121200170	Nguyễn Tấn	Thuận	13/03/2003	CCQ2120E	7.0	8.0	6.5	6.8	4.0	5.1	
53	2122120481	Võ Thị Kim	Thuận	19/11/2003	CCQ2212C	8.0	9.0	6.5	7.2	4.0	5.3	
54	2122120128	Lê Thị	Thúy	12/11/2003	CCQ2212D	9.0	9.5	5.5	6.8	9.0	8.1	
55	2122120142	Nguyễn Trần	Tiến	15/03/2003	CCQ2212E	8.5	8.0	5.5	6.4	5.0	5.6	
56	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	CCQ2203H	8.0	9.0	8.6	8.6	5.0	6.4	
57	2122120402	Nguyễn Ngọc	Triệu	29/04/2004	CCQ2212L	8.0	9.0	6.6	7.2	8.0	7.7	
58	2122120109	Cao Ngọc Phương	Trình	23/08/2004	CCQ2212D	8.0	9.0	7.3	7.7	5.0	6.1	
59	2122120002	Võ Thị Kiều	Trình	16/11/2003	CCQ2212D	8.0	9.0	5.5	6.5	6.0	6.2	
60	2122030194	Mai Nhật	Trường	27/09/1999	CCQ2203H	7.0	8.0	8.6	8.2	9.0	8.7	
61	2122180011	Nguyễn Trọng	Tú	02/09/2004	CCQ2227D	8.0	9.0	7.3	7.7	7.0	7.3	
62	2121120303	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	27/01/2003	CCQ2112I	7.5	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	
63	2122030063	Thái Quốc	Tuấn	17/11/2004	CCQ2203G	8.0	9.0	7.3	7.7	10.0	9.1	
64	2121100020	Trần Đặng Mỹ	Tường	13/05/2003	CCQ2110A	8.0	9.0	8.6	8.6	4.0	5.8	
65	2121120422	Phú Nữ Hoàng	Ty	26/06/2001	CCQ2112M	6.0	7.0	6.8	6.7	5.0	5.7	
66	2122260088	Trần Thị Phương	Uyên	17/06/2004	CCQ2226C	6.0	7.0	6.8	6.7	4.0	5.1	
67	2122170132	Nguyễn Tấn	Vũ	26/05/2004	CCQ2227D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
68	2121100002	Trần Phạm Như	Ý	12/05/2003	CCQ2110A	8.0	9.0	9.6	9.2	10.0	9.7	

Đ.QT: Điểm quá trình = ((BP.1+BP.2)/2+BP.3)/2

Đ.THI: Điểm thi

Đ.HP: Điểm học phần = (Đ.QT*0.4+ Đ.THI*0.6)

Đ.HP>=5.0 ĐẠT : Đ.HP<=4.9 KHÔNG ĐẠT